

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc H – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30 – 11 – 2020  
V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Diễm Phúc

Bà Ngô Hồng Dưỡng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Bích T, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện của chị Dương Bích T, thể hiện:***

Chị T và anh Nguyễn Đăng H kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm; mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành dẫn đến đã sống ly thân hơn 08 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 10/7/2014 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi Hoàng B và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thay đổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Hoàng B.

Về tài sản: Theo chị T xác định tự thỏa thuận và các vấn đề khác: Chị T xác định không có.

\* *Đối với anh Nguyễn Đăng H:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh H không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Dương Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đăng H đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Chị T và anh H kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau; mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành dẫn đến đã sống ly thân hơn 08 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh H. Anh H không có ý kiến về các nội dung và yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng: Chị T yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T thấy rằng, Nguyễn Hoàng B do chị T nuôi dưỡng trong khi anh H không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Hoàng B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T thay đổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của chị T là tự nguyện, không trái pháp luật nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Chị T xác định tự thỏa thuận và các vấn đề khác: Chị T xác định không có. Anh H không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra

xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Bích T.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng H.

1.2. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 10/7/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011160 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**